

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K5 NĂM 2014

Tháng 11 năm 2014

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	LHS	988	1010	22	12.650	278.300	
102	LHS	799			12.650	0	
103	LHS	1000	1042	42	12.650	531.300	
104	8	324	347	23	12.650	290.950	
105	Phòng trực	359	372		12.650		
106	8	407	451	44	12.650	556.600	
107	P SHC				12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	649	677	28	12.650	354.200	
110	8	857	891	34	12.650	430.100	
111	8	538	553	15	12.650	189.750	
112	8	551	568	17	12.650	215.050	
113	8	480	501	21	12.650	265.650	
114	8	437	460	23	12.650	290.950	
201	8	788	825	37	12.650	468.050	
202	8	940	971	31	12.650	392.150	
203	8	732	747	15	12.650	189.750	
204	8	962	985	23	12.650	290.950	
205	8	905	934	29	12.650	366.850	
206	8	772	802	30	12.650	379.500	
207	8	656	690	34	12.650	430.100	
208	8	789	816	27	12.650	341.550	
209	8	869	901	32	12.650	404.800	
210	8	478	498	20	12.650	253.000	
211	8	697	715	18	12.650	227.700	
212	8	692	715	23	12.650	290.950	
213	7	764	793	29	12.650	366.850	
214	8	608	627	19	12.650	240.350	
301	8	620	639	19	12.650	240.350	
302	8	512	532	20	12.650	253.000	
303	8	689	710	21	12.650	265.650	
304	8	632	661	29	12.650	366.850	
305	8	610	636	26	12.650	328.900	
306	8	713	745	32	12.650	404.800	
307	P SHC				12.650	0	
308					12.650	0	
309	8	641	659	18	12.650	227.700	
310	8	638	654	16	12.650	202.400	
311	8	640	667	27	12.650	341.550	

312	8		589	603	14	12.650	177.100	
313	8		420	439	19	12.650	240.350	
314	8		580	597	17	12.650	215.050	
401	8		559	574	15	12.650	189.750	
402	8		657	691	34	12.650	430.100	
403	8		558	574	16	12.650	202.400	
404		LHS	778	801	23	12.650	290.950	
405	8		517	538	21	12.650	265.650	
406	8		647	675	28	12.650	354.200	
407	8		453	473	20	12.650	253.000	
408	8		519	539	20	12.650	253.000	
409	8		429	440	11	12.650	139.150	
410	8		465	478	13	12.650	164.450	
411	8		480	488	8	12.650	101.200	
412	8		446	465	19	12.650	240.350	
413	8		781	810	29	12.650	366.850	
414	8		659	679	20	12.650	253.000	
501	6		279	297	18	12.650	227.700	
502	8		337	352	15	12.650	189.750	
503	8		497	518	21	12.650	265.650	
504	8		312	337	25	12.650	316.250	
505	8		234	257	23	12.650	290.950	
506	8		189	208	19	12.650	240.350	
507	8		494	503	9	12.650	113.850	
508	8		302	317	15	12.650	189.750	
509	8		391	404	13	12.650	164.450	
510	8		157	181	24	12.650	303.600	
511	8		517	520	3	12.650	37.950	
512	8		414	429	15	12.650	189.750	
513	8		249	260	11	12.650	139.150	
514	7		231	237	6	12.650	75.900	
Cộng	484				1.388		17.558.200	

(Bảng chữ: Mười bảy triệu năm trăm năm mươi tám nghìn hai trăm đồng chẵn)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

ThS. Ngô Xuân Hoà

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ

Trần Xuân Nam

NGƯỜI ĐỌC SỐ

Dương Văn Thanh

NGƯỜI LẬP

Trần Thị Hà